TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 276/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 8 - 2023
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Duyên Văn Hiền
Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Tuyết Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 371/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1986 (Xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà Đặng Kim T, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm 4, thị t, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn S trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đặng Kim T sống chung vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức hôn lễ và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2018. Hiện vợ chồng đã ly thân do không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn thường xuyên và không hàn gắn được, xét thấy hôn nhân không thể tiếp tục vì mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với bà Đặng Kim T.

- Về con chung: Có 01 con chung là Phạm Ngọc Trâm, sinh ngày 24/11/2007 hiện cháu đang sống cùng mẹ là bà Đặng Kim T. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung bà Đặng Kim T nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trâm tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Ông S xác định vợ chồng không có tài sản chung, không

yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông S xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đồng thời, ngày 20/6/2023 ông Phạm Văn S có yêu cầu Toà án giải quyết, xét xử vắng mặt trong tất cả các phiên họp, phiên toà do điều kiện nghề nghiệp là ngư phủ thường xuyên theo tàu ghe ra biển nên không đảm bảo thời gian tham gia tố tụng tại Toà án theo triệu tập.

Đối với bị đơn bà Đặng Kim T, quá trình giải quyết vụ án đã được Toà án tống đạt Thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng bà T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản phản hồi ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Phạm Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Đặng Kim T hiện đang cư trú tại thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà Đặng Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, ông Phạm Văn S yêu cầu xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S và bà T.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân của ông Phạm Văn S và bà Đặng Kim T là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào năm 2018 nên hôn nhân của ông S và bà T là hợp pháp. Nguyên đơn ông Phạm Văn S cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn thường xuyên và không hàn gắn được, hiện ông và bà T đã sống ly thân với nhau, xét thấy hôn nhân không thể tiếp tục vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với bà Đặng Kim T. Trong khi đó, bà Đặng Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và xét xử nhưng vắng mặt và cũng không có văn bản ý kiến phản hồi, điều đó cho thấy bà T không có thiện chí để hàn gắn với ông S. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của ông S và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn S, cho ông S ly hôn với bà Đặng Kim T là phù hợp.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Phạm Văn S và bà Đặng Kim T có 01 con chung là Phạm Ngọc Trâm, sinh ngày 24/11/2007 hiện đang sống cùng mẹ là bà Đặng Kim T. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Phạm Ngọc Trâm là nữ, hiện cháu đang sống với mẹ, khi ly hôn ông S cũng đồng ý giao con cho bà

T tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Đặng Kim T cũng không có ý kiến phản hồi với yêu cầu về nuôi con nên giao cháu Phạm Ngọc Trâm, sinh ngày 24/11/2007 cho mẹ là bà Đặng Kim T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trâm thành niên.

Ông Phạm Văn S không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn S, buộc ông S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Ngọc Trâm, sinh ngày 24/11/2007 mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Trâm tròn 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo được nhu cầu thiết yếu cho cháu Trâm.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Phạm Văn S xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà Đặng Kim T thì vắng mặt và không có ý kiến gì về phần tài sản và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản, nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, án phí cấp dưỡng theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 53, Điều 56, 58, 69, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn S, cho ông Phạm Văn S ly hôn với bà Đặng Kim T.

2. Về con chung: Phạm Ngọc Trâm, sinh ngày 24/11/2007 cho bà Đặng Kim T có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên.

Ông Phạm Văn S không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà T.

3. Về cấp dưỡng: Buộc ông Phạm Văn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Phạm Ngọc Trâm, sinh ngày 24/11/2007 mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 24/8/2023 cho đến khi cháu Trâm tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Đặng Kim T, trường hợp ông Phạm Văn S chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Sau này, nếu có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu về phần tài sản và nợ chung thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

Ông Phạm Văn S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng. Ông S đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số 0006805 ngày 29/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được đối trừ, ông S còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND TT. Sông Đốc;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Yến Phương